

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh,
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Thun Phrào.
2. Ông Nguyễn Viết Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên,

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp T, xã Lộc P, huyện L, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Thôn **Phú Hòa**, xã I, huyện C, tỉnh G. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn 6, xã I, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, chị và anh T tự nguyện tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh B vào ngày 19/12/2012. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 2/2022, vợ chồng anh chị mua đất ở Thôn 6, xã I, huyện C, tỉnh G, anh T đến sinh sống và làm ăn ở đây, còn chị vẫn

sinh sống ở tỉnh B. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, xảy ra cãi vã, mỗi người sống mỗi nơi nên giữa hai bên chưa tìm được tiếng nói chung, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Chị L cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn được và không còn tình cảm yêu thương anh T nữa. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án thì ngày 06/01/2023, anh T đánh đập chị phải điều trị tại Trung tâm y tế huyện C. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Đức Hoàng P sinh ngày 01/4/2019 và cháu Nguyễn Đức Tuấn K sinh ngày 05/11/2012.

Hiện nay cháu Nguyễn Đức Tuấn K do anh T nuôi dưỡng, chị L đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Hoàng P. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức Hoàng P; đồng ý giao con Nguyễn Đức Tuấn K cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị tự nguyện tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh B vào ngày 19/12/2012 như chị L đã trình bày. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc đến tháng 3/2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, xảy ra cãi vã, mỗi người sống mỗi nơi nên giữa hai bên chưa tìm được tiếng nói chung. Anh cảm thấy cuộc sống vợ chồng vẫn còn khả năng hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị L. Do đó, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết cho vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy các con trưởng thành.

- Về con chung: Anh chị có 02 người con chung Nguyễn Đức Hoàng P sinh ngày 01/4/2019 và Nguyễn Đức Tuấn K sinh ngày 05/11/2012. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 người con chung. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Nguyễn Đức Tuấn K có nguyện vọng được ở với bố là Nguyễn Đức T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án.

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Nguyễn Đức Hoàng P cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Nguyễn Đức Tuấn K cho anh anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 02/11/2022, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Đức T và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị L đúng quy định, anh T có nơi cư trú tại thôn 6, xã I, huyện C, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Đức T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T và yêu cầu khởi kiện của chị L thấy rằng:

Chị L và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh B vào ngày 19/12/2012. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Các lời khai của anh T và chị L có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của anh chị tại phiên tòa thì thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị L cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Chị L không còn tình cảm yêu thương anh T nữa. Anh T không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm yêu thương chị L và anh cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L vẫn nhất quyết đề

ngợi Tòa án giải quyết ly hôn. Anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp nào hiệu quả để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 06/2022 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương thì anh chị đang sống ly thân, không còn liên hệ về mặt tình cảm. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Hoàng P sinh ngày 01/4/2019 và Nguyễn Đức Tuấn K sinh ngày 05/11/2012. Khi ly hôn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức Hoàng P; đồng ý giao con Nguyễn Đức Tuấn K cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng con chung.

Xét, yêu cầu được nuôi con của chị L là chính đáng, để đảm bảo về nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung, để đảm bảo sự phát triển bình thường mọi mặt của trẻ em nên yêu cầu được nuôi con Nguyễn Đức Hoàng P của chị L và đồng ý giao con Nguyễn Đức Tuấn K cho anh T nuôi dưỡng là có cơ sở và chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Kiệt. Vì vậy, cần thiết giao con Nguyễn Đức Hoàng P cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Đức Tuấn K cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của chị L được chấp nhận nên chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức Tuấn K sinh ngày 05/11/2012 (nam) cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi.

Giao con chung là cháu Nguyễn Đức Hoàng P sinh ngày 01/4/2019 (nam) cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001214 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G để xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện C (02 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh G (01 bản);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã L, huyện Lộc Ninh (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

Nay Lu Vinh